

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2022/DS-PT

Ngày 15 - 9 -2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Huy Hiệp;

Ông Cầm Văn Thanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Việt Khương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/TLDS-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:* Ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1; địa chỉ: Tổ 5, phường QT, thành phố Q, tỉnh Sơn La, vắng mặt

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn TH; địa chỉ: Số 104a; đường Trần Đăng Ninh; phường Quyết Tâm, thành phố Q. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Đàm Thị Huyền TR; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 6, phường QT, thành phố Q, tỉnh Sơn La (hiện đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La). Có mặt

Do có kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/6/2020, ông Ngô Văn TH - Công tác tại Quỹ tín dụng nhân dân liên phường QT, Thành phố Q có điện thoại đặt vấn đề với tôi vay tiền về đáo hạn

cho khách hàng, do là chỗ quen biết và thường hay vay tiền của tôi để làm thủ tục đáo hạn cho khách hàng khi đến hạn trả nợ, nên tôi đã đồng ý cho ông TH vay số 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất theo thỏa thuận. Sau khi thống nhất thỏa thuận số tiền vay và thời gian trả nợ, ông TH cho chị Đàm Thị Huyền TR là nhân viên Quỹ tín dụng xuống nhà tôi nhận tiền mang về cho ông TH. Ngày 03/7/2020, ông TH tiếp tục vay của tôi số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) với mục đích để đáo hạn cho khách hàng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận và ông TH tiếp tục giao cho cô TR xuống nhận tiền hộ nên trong hợp đồng vay tiền tôi ghi cả tên chị TR nhưng thực tế người vay tiền của tôi và sử dụng số tiền vay là ông TH. Tổng cộng cả hai lần ông TH vay tiền tôi là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Hết thời hạn vay theo thỏa thuận, tôi đã rất nhiều lần gặp ông TH để yêu cầu ông TH thanh toán khoản nợ nhưng ông TH mới trả cho tôi được 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) tôi yêu cầu ông TH có nghĩa vụ thanh toán theo cam kết trong hợp đồng vay tiền ngày 29/6/2020. Tôi đề nghị Tòa giải quyết yêu cầu ông Ngô Văn TH phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho tôi khoản vay gốc 450.000.000đ (bốn trăm năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản 450.000.000đ.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Ông Ngô Văn TH không nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn và cho rằng nội dung ông S trình bày là không đúng sự thật. Vào khoảng tháng 7/2020, ông TH được ông S mời hai lần đến nhà do ông S nói với ông TH là chị Đàm Thị Huyền TR đến vay tiền của ông S vì chị TR lúc đó là nhân viên của Quỹ tín dụng liên phường mà tôi làm Giám đốc nên ông S nhờ tôi ký là người làm chứng trên giấy tờ chị TR vay tiền của ông S. Tôi nhất trí và đã hai lần ký trên hai tờ giấy vay tiền giữa chị TR và ông S; số tiền vay ghi trên hai tờ giấy, một tờ là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), một tờ là khoản 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Sau đó khoảng một tháng chị TR nợ nần nhiều nên đã bỏ trốn, ông S nhiều lần đến gặp tôi tại nơi làm việc và yêu cầu tôi phải trả cho ông S 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng), ông S nói tôi là người bảo lãnh cho cô TR vay tiền, giờ chị TR trốn thì tôi phải có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông S. Do quá nhiều lần ông S đến nơi làm việc, có nhiều hành vi gây áp lực, gây tai tiếng, tôi lo bị ảnh hưởng đến uy tín, công việc và không hiểu pháp luật nên tôi đã ba lần lấy tiền cá nhân đưa cho ông S, tổng số tiền tôi đã trả cho ông S là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Ông S cho vay tiền là chị TR, tôi chỉ ký tên tại hợp đồng vay vốn kinh doanh ngày 29/6/2020 là chữ ký của tôi. Tôi được ký vào hai tờ giấy hợp đồng cho vay tiền chứ không phải một tờ.

Tôi yêu cầu Tòa án xử lý việc ông S giả mạo tài liệu chứng cứ nhằm mục đích chiếm đoạt tiền, tôi yêu cầu ông S phải trả cho tôi số tiền 250.000.000đ (hai trăm lăm mươi triệu đồng).

Theo các bản tự khai, biên bản làm việc và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đàm Thị Huyền TR trình bày:

Tôi là đồng nghiệp với ông Ngô Văn TH tại Quỹ tín dụng nhân dân liên phường xã QT, hiện nay tôi đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La. Tôi hoàn toàn nhất trí với bản tự khai của ông Trịnh Đức S và không có ý kiến gì bổ sung; đối với nội dung trong bản tự khai của ông TH, ông TH là người gọi tôi đến lấy tiền của ông S, lãi suất do ông TH và ông S thỏa thuận tôi không được biết. Trong hợp đồng vay tiền ngày 29/6/2020 giữa bên cho vay là ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1, tôi là người đến nhận tiền thay cho ông TH, nên ông TH là người phải có trách nhiệm thanh toán hợp đồng này vì tiền lãi và tiền gốc tôi thanh toán với ông TH chứ không phải thanh toán cho ông S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1.

Buộc ông Ngô Văn TH phải trả cho ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1 số tiền gốc đã vay trong hợp đồng vay vốn kinh doanh ngày 29/6/2020 còn nợ là 450.0000.000đ (bốn trăm lăm triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn TH buộc ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1 trả lại số tiền 250.000.000đ (hai trăm lăm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Sơn La, ngày 07/5/2022 ông Ngô Văn TH có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến của bị đơn: Tôi kháng cáo lại toàn bộ nội dung quyết định của bản án cấp sơ thẩm đã giải quyết, Tôi vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo ngày 07/5/2022 của tôi.

Ý kiến của người có quyền lợi liên quan chị Đàm Thị Huyền TR: Tôi là người được ông TH nói đến lấy tiền nhà ông S, không có giấy ủy quyền. Chỉ mình tôi đến lấy còn việc thỏa thuận giữa hai bên thế nào tôi không biết. Tôi là người viết giấy vay và nhận tiền từ ông S về chi tiêu cá nhân và trả nợ hết. Về có ghi sổ cá nhân nhưng đã làm mất; xác định số tiền vay này không nằm trong phần giải quyết của bản án Hình sự đã xét xử; tôi không cung cấp được căn cứ, chứng cứ cho tòa vì chỉ tôi và ông S biết; lý do khai mâu thuẫn về chủ thể vay tiền, số tiền ngày tháng vay là do tôi không nhớ, nhầm lẫn; đề nghị buộc ông TH phải có trách nhiệm trả số tiền nợ.

* Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên: Tòa cấp sơ thẩm không thụ lý phản tố về yêu cầu của ông TH buộc ông S phải trả lại số tiền 250.000.00 đồng, tuy nhiên được giải quyết, quyết định là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ông TH chị TR là người có năng lực hành vi dân sự, có hiểu biết, nên nghĩa vụ thanh toán là như nhau.

Đề nghị: Áp dụng khoản 2 Điều 308, 309 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn TH, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Sơn La, như sau: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Ông Ngô Văn TH và chị Đàm Thị Huyền TR có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 700.000.000 đồng cho ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1.

Về án phí: Buộc ông TH và chị TR phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Văn TH, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định tại điều 272 BLTTDS, do đó vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Ngô Văn TH trả số tiền vay quá hạn chưa trả theo hợp đồng vay nợ đã cung cấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe (không có căn cứ chứng minh); Tại hồ sơ ông bà đã có lời khai, không kháng cáo bản án sơ thẩm, xác định nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai, xét không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo và các tài liệu chứng cứ trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị TR thừa nhận ký hợp đồng vay tiền của ông S và không có hợp đồng vay riêng của ông TH về số tiền này; ông TH không giải thích được lý do vì sao ký vào phần người vay, trong khi xác định là người làm chứng.

Tại hợp đồng vay vốn kinh doanh thể hiện ngày 29/6/2020 chị Đàm Thị Huyền TR và ông Ngô Văn TH có vay ông Trịnh Đức S tổng số tiền là 700.000.000đ được thể hiện bằng hai lần vay, lần thứ nhất vào ngày 29/6/2020 với số tiền là 400.000.000đ; lần thứ 2 vào ngày 03/7/2020 với số tiền 300.000.000đ nhưng không lập thành hợp đồng riêng mà thể hiện thêm vào nội dung khoản vay trước. Bản hợp đồng thể hiện ông TH và chị TR cùng ký nhận vay đều thừa nhận là chữ ký của mình, không bị ép buộc. Ông TH và chị TR đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức; hợp đồng đã hoàn thành chị TR đã nhận đủ tiền nên phải có nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn; ông TH chỉ cho rằng mình là người làm chứng, chứng kiến việc vay tiền nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, chị TR không thống nhất lời khai về chủ thể vay, về nghĩa vụ trả nợ, không đưa ra được căn cứ thể hiện chị là người được ủy quyền thay mặt ông TH để nhận tiền vay tại nhà ông S; tại cấp phúc thẩm ông S bà S1, ông TH, chị TR không đưa ra căn cứ chứng minh nào khác ngoài hợp đồng đã ký giữa các bên ngày 19/6/2020; trong quá trình giải quyết ngày 11/8/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La lập biên bản làm việc với chị Đàm Thị

Huyền TR tại Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, chị TR có ý kiến khoản tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) này đã được tuyên trong bản án hình sự sơ thẩm số 109/2022/HSST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La giải quyết đã nằm trong phần bồi thường cho ông TH, tuy nhiên sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự có liên quan cụ thể tại bút lục 586 và 602 tại bản tự khai và biên bản hỏi cung, phúc cung của Viện kiểm sát tỉnh Sơn La chị TR khai nhận có nợ ông Trịnh Đức S khoản tiền 700.000.000đ là khoản vay chi tiêu cá nhân; Thu thập tài liệu tại hồ sơ vụ án hình sự thụ lý số 95/ngày 25/4/2022 trên cho thấy khoản tiền này không được giải quyết trong cùng vụ án trên (xác định chị TR và ông TH không phải là quan hệ vợ chồng, không phải là hộ gia đình; giữa các bên có xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, ngoài ý kiến của các đương sự có sự mâu thuẫn không có căn cứ nào khác chứng minh về phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh riêng của cá nhân ông TH). Do đó việc Tòa sơ thẩm xem xét, đánh giá buộc ông TH phải trả nợ chung là chưa đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của các bên về trách nhiệm trả nợ là không phù hợp theo điều 463, điều 466 BLDS

Do đó việc chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản tiền 700.000.000đ của ông Ngô Văn TH và bà Đàm Thị Huyền TR là như nhau, nên chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn TH.

Đối với khoản tiền 250.000.000đ ông TH đã trả cho ông Trịnh Đức S các ngày 20/7/2020; 30/9/2020 và ngày 18/12/2020 Tòa cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của ông TH mà quyết định bằng bản án là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần rút kinh nghiệm; số tiền này được xem xét khấu trừ vào phần nghĩa vụ buộc phải trả nợ đối với ông TH.

[3] Từ những nhận định phân tích nêu trên, xét thấy cần sửa quyết định của bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngô Văn TH và chị Đàm Thị Huyền TR phải chịu trách nhiệm chung đối với khoản tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Ngô Văn TH.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên ông Ngô Văn TH không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Ngô Văn TH, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 27/4/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Sơn La, như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1.

Buộc ông Ngô Văn TH và chị Đàm Thị Huyền TR và phải có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản nợ cho ông Trịnh Đức S và bà Lê Thị S1 số tiền là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). Cụ thể:

Buộc ông Ngô Văn TH phải chịu trách nhiệm trả theo phần là 350.000.000 đồng đã trả 250.000.000 đồng phải trả tiếp là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Buộc Chị Đàm Thị Huyền TR phải có trách nhiệm trả theo phần số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự”.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Ngô Văn TH, được hoàn trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002132 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Q, tỉnh Sơn La.

+ Bà Đàm Thị Huyền TR phải chịu 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Ngô Văn TH phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

+ Hoàn trả lại ông Trịnh Đức S số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001837 ngày 11/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/9/2022)/.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Q;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS Thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đinh Thị Mai Lan